TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2024/HSPT
Ngày: 30 – 12 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuân và ông Dương Văn Bản

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Như N, Nguyễn Văn V, Phạm Bá V1, Nguyễn Văn H, Đỗ Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 80/2024/HSST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: NGUYỄN MẠNH C, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 29 tháng 6 năm 1984; Nơi cư trú: Tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị K; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thanh P; Có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0028666/QĐ - XPHC ngày 6/11/2020 Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Chấp hành xong ngày 13/11/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 11/9/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt tại phiên tòa).*

2. Họ và tên: NGUYỄN NHƯ N, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1996; Nơi cư trú: Xóm H, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Mạnh Đ và bà Lê Thị H1; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Có chồng là Đỗ Duy T2; Có 03 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. *(Có mặt tại phiên tòa).*

3. Họ và tên: NGUYỄN VĂN V, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 04 tháng 01 năm 1976; Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N1 (đã chết) và bà Hoàng Thị S (đã chết); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thị H2; Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 84/2013/HS- ST ngày 15/8/2013 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xử phạt 24 tháng tù giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bản án đã được xoá án tích.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. *(Có mặt tại phiên tòa).*

4. Họ và tên: NGUYỄN VĂN H, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1982; Nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Cơ khí; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị C1; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS - ST ngày 01/3/2017 Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù giam về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Bản án đã được xoá án tích.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. *(Có mặt tại phiên tòa).*

5. Họ và tên: PHẠM BÁ V1, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12 tháng 10 năm 1980; Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Bá K1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H3; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Có vợ là Hoàng Thị H4; Có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0027494/QĐ - XPHC ngày 26/3/2019 Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt số tiền 350.000 đồng về hành vi "*Đánh bạc*". Chấp hành xong ngày 26/3/2019.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. *(Có mặt tại phiên tòa).*

6. Họ và tên: ĐỖ VĂN T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02 tháng 8 năm 1974; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, Thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T3 (đã chết) và bà Lê Thị S1; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thị G; Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 28/2006/HSST ngày 15/5/2006 Toà án nhân dân huyện Đại Từ xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội *"Đánh bạc"*. Bản án đã được xoá án tích.

+ Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 34/2009/HSST ngày 21/5/2009 Toà án nhân dân huyện Đại Từ xử phạt 12 tháng tù giam về tội *"Đánh bạc"*. Bản án đã được xoá án tích.

+ Tại Quyết định số 7848/QĐ - UBND ngày 21/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện Đ quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời hạn 12 tháng.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. *(Có mặt tại phiên tòa).*

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh C: Ông Đồng Văn V2, sinh năm 1986 – Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. (Có mặt)

Địa chỉ: Số E, phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, vắng mặt do Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2021, Nguyễn Mạnh C có mua hàng trả góp tại một số siêu thị Điện máy xanh kinh doanh trên địa bàn huyện Đ và một số huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên. C nhận thấy việc kiểm duyệt hồ sơ, giải ngân cho vay tiền để trả góp mua sản phẩm của các Công ty tài chính rất dễ dàng, chỉ cần có Căn cước công dân và không có nợ xấu là có thể làm thủ tục vay được tiền để mua hàng. Sau khi mua và nhận sản phẩm có thể sử dụng hoặc không có nhu cầu sử dụng thì có thể bán lại sản phẩm cho người khác lấy tiền chi tiêu, không ai kiểm tra hay phát hiện. Đối với số tiền vay để mua hàng trả góp nếu không trả được tiền lãi, tiền gốc hàng tháng theo hợp đồng thì cũng chỉ bị coi là nợ xấu và bị Công ty T6 cho vay gọi điện thoại, nhắn tin đốc thúc trả nợ chứ không bị xử lý hình sự. Từ đó C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là số tiền cho vay để mua hàng trả góp của các Công ty tài chính. Để thực hiện hành vi, C trực tiếp hoặc qua các cộng tác viên tìm người đang gặp khó khăn về tài chính, cần tiền và có nhu cầu vay tiền, giải thích, thuyết phục họ chọn vay tiền bằng hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Điện máy xanh, sau khi mua được hàng thì C sẽ mang hàng đi bán lấy tiền rồi chia cho người đứng tên vay trên hợp đồng một số tiền nhất định, số tiền còn lại là tiền công mà C và các cộng tác viên được hưởng lợi, người đứng tên vay tiền trên hợp đồng sẽ không cần hoàn trả lại số tiền đã vay theo quy định trong hợp đồng, hay còn gọi là vay *"bùng"*. Một mặt để củng cố niềm tin cho người đứng tên trên hợp đồng vay và để họ đồng ý lựa chọn việc vay "*bùng*" và họ không bị lo sợ sau này sẽ bị Công ty tài chính gọi điện thoại đòi bản thân và gia đình trả nợ. Mặt khác cũng để thông tin người đứng tên trên hợp đồng vay không bị trùng lặp, khiến cho Công ty T6 phê duyệt hợp đồng cho vay và giải ngân cho vay nhanh, C đã tự nghĩ ra việc sử dụng 01 số điện thoại không đăng ký chính tên, chính chủ hay còn gọi là số sim "*rác*" làm số điện thoại của người đứng tên trên hợp đồng vay tiền và 02 số sim "*rác*" khác làm số điện thoại của người thân dùng tham chiếu để điền lên hợp đồng vay tiền, để khi Công ty T6 duyệt hợp đồng sẽ kiểm tra và trong những trường hợp cụ thể trước khi giải ngân nhân viên Công ty T6 sẽ điện thoại tới các số ghi trong hợp đồng để kiểm tra lại thông tin người thân bảo lãnh. Sau khi hợp đồng được duyệt và được giải ngân, C sẽ vứt 03 chiếc

sim "*rác*" trên đi nên các Công ty tài chính sau này không thể gọi điện hoặc nhắn tin giục trả nợ được. Ngoài ra, do trước đó C có một thời gian làm cộng tác viên cho một số Công ty tài chính nên C biết được để các Công ty tài chính tin tưởng và duyệt hợp đồng cho vay thì thông tin về nghề nghiệp và thu nhập hàng tháng của người đứng tên trên hợp đồng vay vốn cũng phải phù hợp, thông thường người đứng tên trên hợp đồng vay phải có một nghề nghiệp ổn định và thu nhập hàng tháng phải từ 8.000.000 đồng trở lên thì hợp đồng mới được duyệt giải ngân. Theo quy định để được mua hàng trả góp và để được các Công ty tài chính chấp nhận giải ngân cho vay thì người mua cần phải thanh toán trước khoảng 30% giá trị sản phẩm, số tiền này C sẽ tự dùng tiền cá nhân bỏ ra để thanh toán trước.

Để tìm kiếm người có nhu cầu vay tiền để tạo lập hợp đồng, Nguyễn Mạnh C đã đăng các bài viết trên các trang mạng xã hội như Facebook với nội dung hỗ trợ vay tiền, vay tiền nhanh…ngoài ra, C còn nhờ vợ là Nguyễn Thanh P đang làm nhân viên của Công ty T6 khi nào có khách hàng cần vay tiền nhưng không vay được bằng hình thức thông thường của Công ty T6 thì giới thiệu sang cho C. Đồng thời C cũng tuyển cho mình một số cộng tác viên để tìm và giới thiệu cho C người có nhu cầu vay tiền để C tạo lập hợp đồng.

Bằng phương thức, thủ đoạn nêu trên, từ khoảng tháng 11 năm 2021, Nguyễn Mạnh C đã tìm và tuyển được Nguyễn Như N, Nguyễn Thị H5 và Trần Đức N2 làm cộng tác viên cho mình. Sau đó Nguyễn Như N đã tìm được Nguyễn Thanh L làm cộng tác viên cho mình, mỗi hợp đồng thành công N sẽ trả tiền công cho L từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. C đã hướng dẫn các cộng tác viên đăng bài viết lên mạng xã hội như Facebook với nội dung hỗ trợ vay tiền, vay tiền nhanh hoặc thông qua các mối quen biết xã hội để tìm xem ai có nhu cầu vay tiền, vay tiền nhanh thì tư vấn cho họ vay tiền bằng hình thức mua hàng trả góp ở siêu thị Đ3, sau khi mua hàng sẽ không cần nhận hàng mà được nhận tiền, sau đó sẽ không phải trả tiền lãi, tiền gốc theo quy định của hợp đồng, hay còn gọi là vay "*bùng*", đồng thời cũng sẽ chỉ bị coi là nợ xấu, bị Công ty T6 gọi điện thoại đòi chứ không bị xử lý gì. Điều kiện để tạo lập hợp đồng chỉ cần có căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân. Đối với mỗi hợp đồng thành công C sẽ trả cho cộng tác viên số tiền từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng tùy vào số tiền bán được sản phẩm đã mua, còn cộng tác viên đưa cho người đứng tên vay tiền bao nhiêu thì do cộng tác viên tự thỏa thuận trước đó.

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 11 đến tháng 12 năm 2021, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Như N, Nguyễn Thị H5 và Trần Đức N2 đã giới thiệu cho Nguyễn Mạnh C tổng số 15 đối tượng để tạo lập 15 Hợp đồng tín dụng vay tiền trả góp để mua hàng tại siêu thị Điện máy xanh, sau đó chiếm đoạt của Công ty T6 (Công ty T6) tổng số tiền 453.323.000 đồng, cụ thể:

* Đối với bị cáo Nguyễn Như N: N quen biết với Nguyễn Mạnh C từ trước thông qua Nguyễn Thanh P vợ của C. C nói chuyện với N về cách thức vay tiền mua hàng trả góp ở siêu thị Đ3 rồi bán sản phẩm đi lấy tiền, số tiền vay của Công ty T6 sẽ không phải trả và chỉ bị coi là nợ xấu, không phải chịu trách nhiệm gì nên N đã đồng ý làm cộng tác viên cho C, việc N làm cộng tác viên cho C, P không biết. Ngoài việc hướng dẫn N đăng bài lên các trang mạng xã hội như nêu trên, C còn hướng dẫn N cách thức sử dụng 03 sim "*rác*" và hướng dẫn cách ghi thông tin về nghề nghiệp, thu nhập sao cho phù hợp để được Công ty tài chính duyệt giải ngân, để khi cần thiết sẽ nhờ N hỗ trợ việc lên thông tin cá nhân người đứng tên trên hợp đồng vay và chụp ảnh cho C để khi làm việc với nhân viên Điện máy xanh C hướng dẫn cho người đứng tên vay trên hợp đồng vay.

N đã tìm và giới thiệu 05 người là Nguyễn Mạnh H6, Nguyễn Xuân Đ1, Nguyễn Văn M, Đỗ Văn T, Nông Văn C2 đến để Nguyễn Mạnh C tạo lập hợp đồng vay tiền như trên và được Công ty T6 duyệt giải ngân thành công. Trong đó có 04 người gồm Nguyễn Mạnh H6, Nguyễn Xuân Đ1, Nguyễn Văn M, Đỗ Văn T là do Nguyễn Thanh L dẫn đến giới thiệu cho Nguyễn Như N, cụ thể như sau:

+ Đối với Nguyễn Mạnh H6:

Sáng ngày 10/12/2021, Nguyễn Thanh L đi uống thuốc Methadone tại Trung tâm Methadone thị trấn H, huyện Đ đã gặp Nguyễn Mạnh H6, thấy H6 có nhu cầu vay tiền nên L đã tư vấn cho H6 vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3, sau khi mua hàng sẽ không nhận hàng mà nhận tiền và không phải trả lại số tiền đã vay, nếu tạo lập hợp đồng thành công sẽ được hưởng số tiền 5.000.000 đồng, H6 đồng ý. Chiều cùng ngày, L dẫn H6 đến phòng trọ của Nguyễn Như N tại Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện Đ. Tại đây, N yêu cầu H6 mua 03 chiếc sim điện thoại mới (loại sim "*rác*") để phục vụ cho việc tạo lập hợp đồng. Rồi N viết thông tin cá nhân của H6, cũng như thông tin không có thật về nghề nghiệp, thu nhập, số điện thoại cá nhân, số điện thoại người thân vào một tờ giấy rồi chụp ảnh gửi qua mạng xã hội Zalo cho Nguyễn Mạnh C. Viết thông tin xong, N hướng dẫn H6 đi đến siêu thị Đ3 có địa chỉ tại Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ (Siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3) gặp Nguyễn Mạnh C để tiếp tục làm hợp đồng vay tiền. Sau khi H6 đến siêu thị Đ3 thì được C hướng dẫn giả vờ đi xem các mặt hàng trong siêu thị rồi C nói với nhân viên siêu thị là H6 muốn làm hợp đồng mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu LG với giá tủ lạnh là 37.900.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C thanh toán trước 11.370.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Nguyễn Mạnh H6 vay số tiền 26.530.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn Nguyễn Mạnh H6 khai các thông tin với nhân viên siêu thị P1 với thông tin mà Nguyễn Như N ghi ra giấy rồi chụp ảnh gửi cho C từ trước. Sau khi tạo lập hợp đồng xong, hợp đồng được duyệt giải ngân cho vay, H6 đi về phòng trọ của N để đợi còn C ra kho nhận tủ lạnh thay

H6, rồi sau đó mang đi bán cho Đinh Quang L1, sinh năm 1990, trú tại: Tổ E, phường P, thành phố T được 28.000.000 đồng. Số tiền trên C đã chuyển cho N 9.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã bỏ ra trước là 11.370.000 đồng, thì C được hưởng lợi số tiền là 7.630.000 đồng. Sau khi N nhận được tiền đã chia cho H6 4.850.000 đồng do trừ đi 150.000 đồng tiền H6 mua 03 sim điện thoại trước đó, chia cho Nguyễn Thanh L 300.000 đồng, N được hưởng lợi 3.850.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

+ Đối với Nguyễn Xuân Đ1:

Sáng ngày 14/12/2021, Nguyễn Thanh L gặp Nguyễn Xuân Đ1 tại quán G1 ở thị trấn H, huyện Đ. Trong lúc chơi game và nói chuyện với nhau thấy Đ1 có nhu cầu vay tiền, L đã tư vấn cho Đ1 vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3, sau khi mua hàng sẽ không nhận hàng mà nhận tiền và không phải trả lại số tiền đã vay, nếu tạo lập hợp đồng thành công sẽ được hưởng số tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, Đ1 đồng ý. Chiều cùng ngày L dẫn Đ1 đến phòng trọ của Nguyễn Như N. Tại đây, N yêu cầu Đ1 mua 03 chiếc sim điện thoại mới (loại sim "*rác*") để phục vụ cho việc tạo lập hợp đồng. Rồi N viết thông tin cá nhân cũng như thông tin không có thật về nghề nghiệp, thu nhập, số điện thoại người thân vào một tờ giấy rồi chụp ảnh gửi qua mạng xã hội Zalo cho Nguyễn Mạnh C. Viết thông tin xong, N nhờ bạn trai là Đỗ Duy T2, sinh năm 1993, trú tại Tổ dân phố S, thị trấn H, huyện Đ đưa Đ1 đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3 gặp Nguyễn Mạnh C để tiếp tục làm hợp đồng vay tiền. Sau khi Đ1 đến siêu thị Đ3 thì được C hướng dẫn giả vờ đi xem các mặt hàng trong siêu thị rồi C nói với nhân viên siêu thị là Đ1 muốn làm hợp đồng mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu Sam Sung với giá 48.000.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 14.400.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Nguyễn Xuân Đ1 vay 33.600.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn Nguyễn Xuân Đ1 khai các thông tin với nhân viên siêu thị như Nguyễn Như N đã ghi ra giấy chụp ảnh gửi C từ trước. Sau khi tạo lập hợp đồng xong, được giải ngân cho vay, Đ1 được T2 trở về phòng trọ của Ngọc đợi, còn C ra kho lấy tủ lạnh thay Đ1, rồi sau đó bán chiếc tủ lạnh trên cho Đinh Quang L1 được 32.000.000 đồng. Sau đó C đã chuyển cho Nguyễn Như N 9.000.000 đồng trừ đi số tiền đã bỏ ra trả trước là 14.400.000 đồng, C được hưởng lợi 8.600.000 đồng. Sau khi N nhận được tiền đã chia cho Đ1 5.850.000 đồng đã trừ đi số tiền 150.000 đồng mua 3 chiếc sim "*rác*", chia cho L 500.000 đồng, N được hưởng lợi 2.650.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

+ Đối với Nguyễn Văn M:

Sáng ngày 14/12/2021, sau khi uống thuốc Methadone tại Trung tâm Methadone thị trấn H, huyện Đ xong thì Nguyễn Thanh L gặp Nguyễn Văn M. Khi gặp nhau thấy M có nhu cầu vay tiền, L đã tư vấn cho M vay tiền qua hình thức mua

hàng trả góp tại siêu thị Đ3, sau khi mua hàng sẽ không nhận hàng mà nhận tiền và không phải trả lại số tiền đã vay, nếu tạo lập hợp đồng thành công sẽ được hưởng số tiền 5.000.000 đồng, M đồng ý. L dẫn M đến phòng trọ của Nguyễn Như N. Tại đây, N yêu cầu M mua 03 chiếc sim điện thoại mới (loại sim "*rác*") để phục vụ cho việc tạo lập hợp đồng. Rồi N viết thông tin cá nhân cũng như thông tin không có thật về nghề nghiệp, thu nhập, số điện thoại người thân vào một tờ giấy rồi chụp ảnh gửi qua mạng xã hội Zalo cho Nguyễn Mạnh C. Viết thông tin xong, N nhờ bạn trai là Đỗ Duy T2 và L đưa M đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3 gặp Nguyễn Mạnh C để tiếp tục làm hợp đồng vay tiền. Sau khi M đến siêu thị Đ3 thì được C hướng dẫn giả vờ đi xem các mặt hàng trong siêu thị rồi C nói với nhân viên siêu thị là M muốn làm hợp đồng mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu Sam Sung với giá 48.000.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 14.400.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Nguyễn Văn M vay 33.600.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn Nguyễn Văn M khai các thông tin với nhân viên siêu thị như Nguyễn Như N đã ghi ra giấy từ trước. Sau khi tạo lập hợp đồng xong, được giải ngân cho vay, M được T2, L trở về phòng trọ của Ngọc Đ2 còn C ra kho lấy tủ lạnh thay M, rồi sau đó bán chiếc tủ lạnh trên cho Đinh Quang L1 được 32.000.000 đồng. Số tiền trên C đã chuyển cho N 9.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã bỏ ra trước là 14.400.000 đồng, thì C được hưởng lợi số tiền là 8.600.000 đồng. Sau khi N nhận được tiền vì thấy M đang bị bệnh nên đã chia cho M 6.800.000 đồng, chia cho L 500.000 đồng, N được hưởng lợi 1.700.000 đồng, sau đó M đưa lại cho L thêm 200.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

+ Đối với Đỗ Văn T:

Sáng ngày 13/12/2021, sau khi uống thuốc Methadone tại Trung tâm Methadone thị trấn H, huyện Đ xong thì Nguyễn Thanh L gặp Đỗ Văn T. Thấy T có nhu cầu vay tiền, L tư vấn cho T vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3, sau khi mua hàng sẽ không nhận hàng mà nhận tiền và không phải trả lại số tiền đã vay, nếu tạo lập hợp đồng thành công sẽ được hưởng số tiền 5.000.000 đồng, T đồng ý. Sau đó L dẫn T đến phòng trọ của Nguyễn Như N. Tại đây, N yêu cầu T mua 03 chiếc sim điện thoại mới (loại sim "*rác*") để phục vụ cho việc tạo lập hợp đồng rồi viết thông tin cá nhân cũng như thông tin không có thật về nghề nghiệp, thu nhập, số điện thoại người thân vào một tờ giấy rồi chụp ảnh gửi qua mạng xã hội Zalo cho Nguyễn Mạnh C. Viết thông tin xong, N nhờ Đỗ Duy T2 đưa T đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3 gặp Nguyễn Mạnh C để tiếp tục làm hợp đồng vay tiền. Sau khi T đến siêu thị Đ3 thì được C hướng dẫn giả vờ đi xem các mặt hàng trong siêu thị rồi C nói với nhân viên siêu thị là T muốn làm hợp đồng mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu Sam Sung với giá 48.000.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 14.400.000 đồng rồi

nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Đỗ Văn T vay 33.600.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn Đỗ Văn T khai các thông tin với nhân viên siêu thị như Nguyễn Như N đã ghi ra giấy từ trước. Sau khi tạo lập hợp đồng xong, được giải ngân cho vay, T được T2 chở về phòng trọ của Ngọc Đ2 còn C ra kho lấy tủ lạnh, rồi sau đó mang đi bán cho Đinh Quang L1 được 32.000.000 đồng. Số tiền trên C đã chuyển cho N 9.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã bỏ ra trước là 14.400.000 đồng, thì C được hưởng lợi số tiền là 8.600.000 đồng. Sau khi N nhận được tiền đã chia cho T 4.850.000 đồng đã trừ đi số tiền 150.000 mua 03 sim điện thoại trước đó, chia cho L 500.000 đồng, N hưởng lợi 3.650.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

+ Đối với Nông Văn C2:

Sáng ngày 14/12/2021, sau khi uống Methadone tại Cơ sở điều trị Methadone tại xã B, huyện Đ xong thì Nông Văn C2 ra ngoài ngồi uống nước. Trong lúc ngồi uống nước C2 nghe mọi người xung quanh nói chuyện có một người phụ nữ tên Nguyễn Như N đang hỗ trợ làm thủ tục vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3 xanh không phải trả lại số tiền đã vay tại một phòng trọ của N. Do sợ mất chi phí cho người giới thiệu nên C2 đã một mình đi đến phòng trọ của Nguyễn Như N. Khi Nông Văn C2 gặp được Nguyễn Như N thì được N tư vấn hình thức vay tiền bằng hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3 rồi với phương thức thủ đoạn như đã nêu trên thì C2 đồng ý. Tại đây, N yêu cầu C2 mua 03 chiếc sim điện thoại mới (loại sim "*rác*") để phục vụ cho việc tạo lập hợp đồng rồi viết thông tin cá nhân cũng như thông tin không có thật về nghề nghiệp, thu nhập, số điện thoại người thân vào một tờ giấy rồi chụp ảnh gửi qua mạng xã hội Zalo cho Nguyễn Mạnh C. Viết thông tin xong, N nhờ Đỗ Duy T2 đưa C2 đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3 gặp Nguyễn Mạnh C để tiếp tục làm hợp đồng vay tiền. Sau khi C2 đến siêu thị Đ3 thì được C hướng dẫn giả vờ đi xem các mặt hàng trong siêu thị rồi C nói với nhân viên siêu thị là C2 muốn làm hợp đồng mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu Sam Sung với giá 48.000.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 14.400.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Nông Văn C2 vay 33.600.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn Nông Văn C2 khai các thông tin với nhân viên siêu thị như nội dung Nguyễn Như N đã ghi ra giấy từ trước. Sau khi tạo lập hợp đồng xong, được giải ngân cho vay, C2 về phòng trọ của Ngọc Đ2 còn C ra kho lấy tủ lạnh thay C2, rồi sau đó mang tủ lạnh đi bán cho Đinh Quang L1 được 32.000.000 đồng. Số tiền trên C đã chuyển cho N 9.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã bỏ ra trước là 14.400.000 đồng, thì C được hưởng lợi số tiền là 8.600.000 đồng. Sau khi N nhận được tiền đã chia cho C2 5.000.000 đồng, N được hưởng lợi 4.000.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

* Đối với Nguyễn Thị H5: Hoá quen biết với C thông qua mạng xã hội, sau đó C đã hướng dẫn H5 tìm và giới thiệu ai có nhu cầu vay tiền, rồi tư vấn cho họ chọn hình thức vay như nêu trên, mỗi hợp đồng thành công Hoá sẽ được tiền hoa hồng, H5 đồng ý. Hoá đã tìm và chỉ dẫn được 03 người đến để Nguyễn Mạnh C tạo lập hợp đồng vay tiền như nêu trên và được giải ngân thành công, trong đó Nguyễn Như N có tham gia giúp sức cho Nguyễn Mạnh C viết thông tin không có thật về số điện thoại cá nhân, nghề nghiệp, thu nhập, số điện thoại người thân cho Phạm Bá V1 và Trần Văn M1 rồi gửi cho Nguyễn Mạnh C, cụ thể như sau:

+ Đối với Phạm Bá V1 và Trần Văn M1:

Sáng ngày 10/12/2021, sau khi uống Methadone tại Trung tâm điều trị Methadone huyện P xong thì Phạm Bá V1 và Trần Văn M1 cùng nhau đi đến quán nước của Nguyễn Thị H5 để mua nước uống. Trong lúc nói chuyện V1 và M1 đã hỏi vay tiền Nguyễn Thị H5 thì được H5 tư vấn vay tiền bằng cách mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3 để lấy tiền, không lấy hàng và không phải hoàn trả lại số tiền đã vay thì V1 và M1 đồng ý. H5 đã bảo V1 và M1 đến thị trấn H, huyện Đ rồi cho số điện thoại của Nguyễn Mạnh C để V1 và M1 tự liên lạc. Buổi chiều cùng ngày V1 và M1 gọi điện thoại cho C thì được C hướng dẫn đến phòng trọ của Nguyễn Như N rồi sau đó H5 cũng đến phòng trọ của N. Tại đây, C đã nhờ N viết thông tin không có thật về số điện thoại, nghề nghiệp, thu nhập của V1 và M1 rồi gửi qua mạng xã hội Z cho C. Viết thông tin xong, N bảo V1 và M1 đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3 để C tạo lập hợp đồng. Tại siêu thị, C nói với nhân viên của siêu thị điện máy về việc V1 và M1, mỗi người đều có nhu cầu mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu LG với giá là 37.900.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 11.370.000 đồng cho mỗi người rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho V1 và M1 mỗi người vay 26.530.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn V1 và M1 khai các thông tin với nhân viên siêu thị P1 với thông tin mà Nguyễn Như N ghi ra giấy rồi gửi qua mạng xã hội Z cho C từ trước. Sau khi tạo lập hợp đồng, được giải ngân và xuất hàng ra khỏi kho, C đã mang đi bán cho Đinh Quang L1 02 chiếc tủ lạnh trên mỗi chiếc được 28.000.000 đồng, sau đó chuyển 18.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng cho H5, trừ đi số tiền C bỏ ra trả trước đó, C được hưởng lợi là 15.260.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì H5 đã đưa cho V1 và M1 mỗi người 5.000.000 đồng tiền mặt, H5 được hưởng lợi 8.000.000 đồng. N không được hưởng lợi. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại phiên toà các bị cáo Phạm Bá V1 và Trần Văn M1 xác định quá trình tạo lập hợp đồng tại siêu thị Đ3 được thực hiện độc lập từng người, việc xem, chọn lựa sản phẩm, tạo lập hợp đồng bị cáo Phạm Bá V1 và Trần Văn M1 không thực hiện cùng nhau.

+ Đối với Nguyễn Văn H.

Ngày 10/12/2021, sau khi uống Methadone tại Trung tâm điều trị Methadone huyện P xong thì Nguyễn Văn H đi đến quán nước của Nguyễn Thị H5 để mua nước uống. Trong khi ngồi uống nước thấy H có nhu cầu vay tiền, H5 tư vấn cho H vay tiền bằng cách mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3 sẽ lấy tiền, không lấy hàng và không phải hoàn trả lại số tiền đã vay, H đồng ý nhưng không mang giấy tờ nên đã về nhà. Sáng ngày 12/12/2021, H cầm theo Căn cước công dân đến quán nước của Nguyễn Thị H5, tại đây H5 đã gọi điện thoại để báo thông tin của H cho Nguyễn Mạnh C và cho H số điện thoại của Nguyễn Mạnh C để chiều cùng ngày H tự gọi điện thoại liên hệ đến siêu thị Đ3. Sau đó H gọi điện thoại cho C thì được hướng dẫn đến siêu thị Đ3 có địa chỉ tại xóm Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (Siêu thị điện máy xanh huyện Đ). Khi gặp nhau C trực tiếp viết các thông tin không có thật về số điện thoại, thu nhập, nghề nghiệp của H vào một tờ giấy rồi nói với nhân viên của siêu thị điện máy về việc H có nhu cầu mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu LG với giá là 40.990.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 12.297.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Nguyễn Văn H vay 28.693.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn H khai các thông tin với nhân viên siêu thị P1 với thông tin mà C đã ghi ra giấy từ trước. Sau khi được duyệt giải ngân, xuất hàng ra khỏi kho, C đã bán chiếc tủ lạnh trên cho Đinh Quang L1 với giá là 28.000.000 đồng, sau đó C đã chuyển 9.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng cho Nguyễn Thị H5, trừ đi số tiền đã bỏ ra trả trước đó thì C được hưởng lợi 6.703.000 đồng. Sau khi nhận được tiền H5 đã đưa cho H 5.000.000 đồng tiền mặt, H5 hưởng lợi 4.000.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

* Đối với Nguyễn Thanh P (là vợ của Nguyễn Mạnh C): Đã tư vấn, viết thông tin và hướng dẫn 04 người đến để Nguyễn Mạnh C tạo lập hợp đồng vay tiền như trên và đã được giải ngân thành công, cụ thể như sau:

+ Đối với Nguyễn Ngọc C3:

Sáng ngày 12/12/2021, sau khi uống thuốc Methadone tại Trung tâm Methadone thị trấn H, huyện Đ xong thì Nguyễn Ngọc C3 nghe thấy mọi người xung quanh nói chuyện về một người phụ nữ đang hỗ trợ mọi người vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3 sau đó không phải trả lại số tiền đã vay. Do không có tiền tiêu xài và chữa bệnh đồng thời sợ phải mất chi phí môi giới nên C3 đã lên mạng xã hội facebook tìm thì thấy bài viết và số điện thoại liên hệ của Nguyễn Thanh P. Sau đó C3 gọi điện thoại cho P thì được P hẹn đến quán C6 ở gần cầu G tại thành phố T để gặp mặt. Chiều cùng ngày, Nguyễn Ngọc C3 đi đến quán C6 thì được P tư vấn sẽ giúp C3 vay tiền thông qua hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3, sau khi mua hàng sẽ không nhận hàng mà nhận tiền đồng thời không phải trả lại số tiền đã vay, C3 đồng ý. Sau đó P viết các thông tin không có thật về số điện thoại, thu nhập, nghề nghiệp, số điện thoại người thân của C3 vào một tờ giấy rồi chụp ảnh

gửi qua mạng xã hội Zalo cho Nguyễn Mạnh C. Một lúc sau, P đưa Nguyễn Ngọc C3 đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3 để cho Nguyễn Mạnh C làm thủ tục. Tại đây, C nói với nhân viên của siêu thị điện máy về việc C3 có nhu cầu mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu LG với giá là 40.990.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 12.297.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Nguyễn Ngọc C3 vay 28.693.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn C3 khai các thông tin với nhân viên siêu thị như thông tin mà P đã ghi ra giấy từ trước rồi gửi cho C. Sau khi hợp đồng được duyệt giải ngân, xuất hàng ra khỏi kho, C đã bán chiếc tủ lạnh trên cho Đinh Quang L1 với giá là 28.000.000 đồng. Sau đó C đã chuyển cho P số tiền 8.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã trả trước đó thì C được hưởng lợi 7.703.000 đồng. Về phần P sau khi được C chuyển tiền, P đã đưa toàn bộ số tiền 8.000.000 đồng cho C3. P không được hưởng lợi. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

+ Đối với Nguyễn Văn V:

Khoảng đầu tháng 12/2021, Nguyễn Văn V đang uống nước ở kè L, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì thấy có tờ rơi, trên đó có thông tin và số điện thoại của Nguyễn Thanh P hiện làm nhân viên tài chính hỗ trợ khách hàng vay tiền của Công ty T6. Do là người nghiện ma tuý không có thu nhập nên đến ngày 12/12/2021, V đã gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh P để được hỗ trợ vay tiền thì được P hẹn đến quán C6 ở gần cầu G, thành phố T để gặp mặt. Chiều cùng ngày, V đến quán C6 thì được P tư vấn sẽ giúp V vay tiền thông qua hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3, sau khi mua hàng sẽ không nhận hàng mà nhận tiền đồng thời không phải trả lại số tiền đã vay, V đồng ý. Sau đó P viết các thông tin không có thật về số điện thoại, thu nhập, nghề nghiệp, số điện thoại người thân của V ra một tờ giấy rồi chụp ảnh gửi qua mạng xã hội Zalo cho Nguyễn Mạnh C và đưa V đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3 để C tạo lập hợp đồng. Tại siêu thị Đ3 huyện Đ, Nguyễn Mạnh C đưa V vào trong siêu thị G2 đi xem các mặt hàng rồi C nói với nhân viên siêu thị là Viên muốn làm hợp đồng mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu LG với giá 40.990.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 12.297.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Nguyễn Văn V vay 28.693.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn V khai các thông tin với nhân viên siêu thị như Nguyễn Thanh P đã ghi ra giấy rồi gửi cho C từ trước. Sau khi hợp đồng được duyệt giải ngân, xuất hàng ra khỏi kho, C đã bán chiếc tủ lạnh trên cho Đinh Quang L1 với giá là 28.000.000 đồng. C đã chuyển cho P số tiền là 7.000.000, đồng trừ đi số tiền đã trả trước đó, C được hưởng lợi 8.703.000 đồng. Về phần P sau khi được C chuyển tiền, P đã đưa toàn bộ số tiền 7.000.000 đồng cho V. P không được hưởng lợi. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo P, C xác định nơi tạo lập hợp đồng cho V là tại siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3. Lời khai ban đầu của bị cáo V tại Cơ quan điều tra xác định được C đưa đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3 để tạo lập hợp đồng, sau đó bị cáo V thay đổi lời khai xác định tạo lập hợp đồng tại siêu thị Đ3 xanh huyện Đ. Tại phần thủ tục hỏi tại phiên toà ngày 22/7/2024, các bị cáo V, P, C đều khai đúng diễn biến hành vi phạm tội như nêu trên. Sau khi Hội đồng xét xử quay lại phần xét hỏi ngày 29/7/2024 bị cáo V thay đổi lời khai, xác định không được tạo hợp đồng tại siêu thị Điện máy xanh huyện Đ, tuy nhiên bị cáo không xác định được chính xác đã tạo lập hợp đồng tại đâu. Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn và Hợp đồng tín dụng mang tên Nguyễn Văn V ký kết với Công ty T6 ngày 12/12/2021 có ghi nơi mua hàng là Điện máy xanh huyện Đ.

+ Đối với Nguyễn Văn H7:

Ngày 25/11/2021, do có nhu cầu vay tiền nên Nguyễn Văn H7 đã lên mạng xã hội Facebook tìm người môi giới vay tiền qua App của Công ty T6 thì tìm thấy thông tin và số điện thoại của Nguyễn Thanh P. H7 đã gọi điện thoại cho P hỏi vay tiền thì được P hẹn đến đoạn gần cầu G, thành phố T để gặp mặt trực tiếp. Sau đó Nguyễn Văn H7 đi xe máy đến thành phố T gặp P ở quán C6 gần cầu G và được P tư vấn vay tiền bằng hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3, sau khi mua hàng sẽ không nhận hàng mà nhận tiền, đồng thời không phải trả lại số tiền đã vay, khi tạo lập hợp đồng thành công thì H7 sẽ được hưởng 7.000.000 đồng thì H7 đồng ý. Sau đó, P đưa H7 đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3. Trên đường đi P đưa cho H7 01 điện thoại di động và nói số điện thoại đã được lắp sẵn vào máy, đồng thời viết thông tin không có thật về nghề nghiệp, thu nhập, số điện thoại người thân của H7 ra giấy rồi chụp ảnh gửi qua mạng xã hội Zalo cho Nguyễn Mạnh C. Sau khi đến siêu thị thì H7 được Nguyễn Mạnh C hướng dẫn hàng giả vờ đi xem các mặt hàng rồi C nói với nhân viên là H7 muốn làm hợp đồng mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu Sam Sung với giá là 47.900.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 19.096.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Nguyễn Văn H7 vay 28.804.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn H7 khai các thông tin với nhân viên siêu thị nội dung như Nguyễn Thanh P đã ghi ra giấy và đưa cho C từ trước. Sau khi hợp đồng được duyệt giải ngân, xuất hàng ra khỏi kho, C đã mang bán chiếc tủ lạnh trên cho Đinh Quang L1 với giá là 32.000.000 đồng. C đã chuyển cho P số tiền là 7.000.000 đồng trừ đi số tiền đã trả trước đó, C được hưởng lợi 5.904.000 đồng. Về phần P sau khi được C chuyển tiền, P đã đưa toàn bộ số tiền 7.000.000 đồng cho H7. P không được hưởng lợi. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

+ Đối với Nguyễn Văn C4:

Ngày 13/12/2021, do đang nợ nhiều mà không có thu nhập nên Nguyễn Văn C4 đã nảy sinh ý định đi vay tiền qua các App của Công ty T6 để trả nợ. Qua tìm hiểu trên mạng xã hội Côn biết tại quán C6 ở gần cầu G, thành phố T có nhiều người là nhân viên của Công ty T6 hay tư vấn cho khách vay tiền nên C4 đã đi xe máy đến. Sau khi vào quán C7 gặp Nguyễn Thanh P thì được P tư vấn vay tiền bằng hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3, sau khi mua hàng sẽ không nhận hàng mà nhận tiền đồng thời không phải trả lại số tiền đã vay, khi tạo lập hợp đồng thành công thì C4 sẽ được hưởng 7.000.000 đồng thì C4 đồng ý. Sau đó P đưa C4 đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3. Khi đến trước siêu thị P đưa cho C4 01 chiếc điện thoại Nokia, loại bàn phím đã lắp sim sẵn đồng thời viết thông tin giả về nghề nghiệp, thu nhập, số điện thoại người thân của C4 rồi chụp ảnh gửi qua mạng xã hội Zalo cho Nguyễn Mạnh C rồi bảo C4 vào trong siêu thị. Tại đây, C nói với nhân viên của siêu thị điện máy về việc C4 có nhu cầu mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu Sam Sung với giá là 47.900.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 14.370.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Nguyễn Văn C4 vay 33.530.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn C4 khai các thông tin với nhân viên siêu thị như Nguyễn Thanh P đã ghi ra giấy và gửi cho C từ trước. Sau khi được duyệt giải ngân, xuất hàng ra khỏi kho, C đã mang bán chiếc tủ lạnh trên cho Đinh Quang L1 với giá là 32.000.000 đồng. Sau đó C đã chuyển cho P số tiền là 7.000.000 đồng trừ đi số tiền đã trả trước đó thì C được hưởng lợi 10.630.000 đồng. Về phần P sau khi được C chuyển tiền, P đã đưa toàn bộ số tiền 7.000.000 đồng cho C4. P không được hưởng lợi. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

* Đối với Trần Đức N2: Trước đó Trần Đức N2 đọc được thông tin quảng cáo hỗ trợ làm hồ sơ vay tiền nhanh của Nguyễn Mạnh C trên Facebook, N2 đã liên hệ với C để hỏi thủ tục vay tiền, tuy nhiên do N2 có nợ xấu nên không vay được, C đã hướng dẫn N2 tìm kiếm người có nhu cầu vay dẫn đến cho C làm hợp đồng, N2 đồng ý. Nguyên đã tìm và dẫn Nguyễn Thanh S2 (đã chết), sinh năm 1987, trú tại xóm X, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên đến để Nguyễn Mạnh C tạo lập hợp đồng như trên và đã được giải ngân thành công, cụ thể:

Sáng ngày 10/12/2021, sau khi uống Methadone tại Trung tâm y tế thành phố P xong Trần Đức N2 đã gặp bạn là Nguyễn Thanh S2, S2 nói có nhu cầu vay tiền, N2 đã tư vấn cho S2 vay tiền bằng hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3, sau khi mua hàng sẽ không nhận hàng mà nhận tiền, đồng thời không phải trả lại số tiền đã vay, khi tạo lập hợp đồng thành công thì S2 sẽ được hưởng lợi từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng thì S2 đồng ý. Sau đó N2 đã đưa S2 đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3 để gặp Nguyễn Mạnh C. Sau khi gặp, C đã viết thông tin không có thật về số điện thoại, thu nhập, nghề nghiệp, số điện thoại người thân của S2 vào một tờ giấy rồi dẫn S2 vào trong siêu thị, còn N2 chờ ở ngoài. Tại đây, C nói với

nhân viên siêu thị là S2 muốn làm hợp đồng mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu LG với giá 37.900.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 11.370.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Nguyễn Thanh S2 vay 26.530.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn S2 khai các thông tin với nhân viên siêu thị như C đã ghi ra giấy từ trước. Sau khi hợp đồng được duyệt giải ngân, xuất hàng ra khỏi kho, C đã bán chiếc tủ lạnh trên cho Đinh Quang L1 với giá là 28.000.000 đồng. Sau đó C chuyển vào tài khoản của N2 số tiền 8.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã trả trước đó thì C được hưởng lợi 8.630.000 đồng. Nhận được tiền xong N2 đã đưa S2 đi rút tiền, sau khi rút được tiền N2 đưa toàn bộ số tiền 8.000.000 đồng cho S2 và có nói với S2 cho N2 tiền công đưa đi, sau đó S2 đưa lại cho N2 1.000.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

* Ngoài ra Nguyễn Mạnh C đã trực tiếp tư vấn, viết thông tin và dẫn khách đến siêu thị Đ3 tạo lập hợp đồng vay tiền như trên và đã được giải ngân thành công cho 02 người là Cao Xuân T4 và Trần Ngọc T5, cụ thể:

+ Đối với Cao Xuân T4.

Đầu tháng 12 năm 2021, Cao Xuân T4 đã tìm đến Nguyễn Như N để hỏi thủ tục vay tiền của các Công ty tài chính tuy nhiên do T4 có nợ xấu quá nhiều nên T4 không thể vay tiền thông thường được. Sau đó Nguyễn Như N cho T4 tài khoản Zalo của Nguyễn Mạnh C để T4 tự liên hệ. Sau khi liên hệ T4 được C tư vấn cho T4 vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3, khi mua hàng sẽ không nhận hàng mà nhận tiền, đồng thời không phải trả lại số tiền đã vay, khi tạo lập hợp đồng thành công thì T4 sẽ được nhận 5.000.000 đồng thì T4 đồng ý. Đến ngày 11/12/2021, C gọi điện thoại bảo Toàn đến siêu thị Điện máy xanh huyện Đ3 để tạo lập hợp đồng. Trước siêu thị C đã viết thông tin không có thật về số điện thoại, thu nhập, nghề nghiệp, số điện thoại người thân của T4 rồi dẫn T4 vào trong siêu thị Đ3. Tại đây, C nói với nhân viên siêu thị là T4 muốn làm hợp đồng mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu LG với giá 43.990.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 13.200.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Cao Xuân T4 vay 30.790.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn T4 khai các thông tin với nhân viên siêu thị như C đã ghi ra giấy từ trước. Sau khi hợp đồng được duyệt giải ngân, xuất hàng ra khỏi kho, C đã mang bán chiếc tủ lạnh trên cho Đinh Quang L1 với giá là 28.000.000 đồng. C đã đưa cho T4 5.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã trả trước đó thì C được hưởng lợi 9.800.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

Quá trình điều ta và tại phiên toà bị cáo Nguyễn Mạnh C, Cao Xuân T4 và Nguyễn Như N xác định, việc T4 và C giao dịch, trao đổi và tạo lập hợp đồng vay

tiền mua hàng trả góp sau khi N cho T4 số điện thoại của C, N không biết gì và cũng không tham gia giúp sức và hưởng lợi gì.

+ Đối với Trần Ngọc T5:

Sáng ngày 13/12/2021, khi đi tiêm vắc xin phòng chống dịch bệnh Covid 19 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T thì Trần Ngọc T5 gặp Nguyễn Mạnh C đang nói chuyện với bạn về việc đang làm nhân viên tài chính hỗ trợ cho vay tiền. Vì đang nghiện ma túy không có tiền tiêu xài nên T5 đã đến hỏi chuyện và được C tư vấn việc vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp tại siêu thị Đ3, khi mua hàng sẽ không nhận hàng mà nhận tiền, đồng thời không phải trả lại số tiền đã vay thì T5 đồng ý. Sau đó C đưa T5 đến phòng trọ của Nguyễn Như N tiếp tục tư vấn thì T5 nói cần số tiền 10.000.000 đồng thì C đồng ý. C viết các thông tin không có thật về số điện thoại, thu nhập, nghề nghiệp, số điện thoại người thân của T5 vào một tờ giấy rồi đưa T5 đến siêu thị Điện máy huyện Đ3 để tạo lập hợp đồng. Tại đây, C nói với nhân viên siêu thị là T5 muốn làm hợp đồng mua tủ lạnh trả góp, nhãn hiệu Sam Sung với giá 48.000.000 đồng. Để tạo lập được hợp đồng vay tiền qua hình thức mua hàng trả góp thì C đã thanh toán trước 14.400.000 đồng rồi nhân viên của siêu thị đã tạo lập hợp đồng cho Trần Ngọc T5 vay 33.600.000 đồng của Công ty T6. Trong khi tạo lập hợp đồng Nguyễn Mạnh C đã hướng dẫn T5 khai các thông tin với nhân viên siêu thị như nội dung C đã ghi ra giấy từ trước. Sau khi hợp đồng được duyệt giải ngân, xuất hàng ra khỏi kho, C đã mang bán chiếc tủ lạnh trên cho Đinh Quang L1 với giá là 32.000.000 đồng. Sau đó, C đưa cho T5 10.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã trả trước đó thì C được hưởng lợi 7.600.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

Tháng 3/2023 Công ty T6 đã có đơn trình báo tố giác tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Ngày 02/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã khám xét khẩn cấp chỗ ở, địa điểm đối với Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Như N:

- Kết quả thu giữ tại chỗ ở của C gồm: 100.000.000 đồng tiền ngân hàng N3; 01 thẻ ATM của ngân hàng S3; 01 thẻ ATM của ngân hàng A; 01 thẻ ATM của ngân hàng L3; 02 thẻ Visa của ngân hàng T7; 01 thẻ Visa của ngân hàng S4; 01 thẻ Visa của ngân hàng V5; 01 thẻ Visa của ngân hàng S5; 01 thẻ Visa của ngân hàng S4 có số thẻ 4374200105765734 đều in tên Nguyễn Mạnh C; 01 thẻ Visa của ngân hàng M2 dán chữ "*Sỹ ngát*"; 14 thẻ Visa của ngân hàng M2 được dán kín trong phong bì; 01 thẻ ATM của ngân hàng T8 không in tên; 01 thẻ Visa của ngân hàng M2 không in tên; 12 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s, màu xám; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu xám.

- Kết quả khám xét thu giữ tại chỗ ở của N gồm: 307 chiếc sim điện thoại của các nhà mạng V3, V4, V6, trong đó có 40 chiếc sim điện thoại chưa tách khỏi phôi sim; 13 chiếc phôi sim của nhà mạng Vietnamobile; 01 thẻ tín dụng của ngân hàng H8 in tên HAU THI NGA; 01 thẻ VISA của ngân hàng V5 in tên LY VAN HAI; 01 thẻ VISA của ngân hàng V5 in tên LY THI THIM, 01 thẻ ATM của ngân hàng S3 in tên HA QUANG DUNG; 06 thẻ tín dụng của ngân hàng V5 in tên NGUYEN DUC CHIEN, DOAN THỊ NGOC THUY, NGUYEN QUYET CHIEN, HONG THANH LONG, NGUYEN TRUNG HIEU, NGUYEN THANH TUNG; 01 thẻ tín dụng của ngân hàng V7 in tên HAU THI NGA; 01 thẻ VISA của ngân hàng B in tên HA THI THU HIEN; 01 thẻ ATM của ngân hàng T7; 01 thẻ ATM của ngân hàng B; 01 thẻ ATM của ngân hàng A đều in tên Nguyễn Như N; 01 thẻ ATM của ngân hàng T7 in tên Đỗ Duy T2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8s Plus, màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đỏ; 03 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím.

Quá trình điều tra bị cáo C tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Promax màu vàng được niêm phong vào 01 phong bì trắng có ký hiệu là "D2"; bị cáo N tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Promax màu tím được niêm phong vào 01 phong bì trắng có ký hiệu là "S3"; Bị cáo P tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Promax bên trong lắp sim số 0962.118.822.

Quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, anh Đỗ Duy T2 (thời điểm thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo là bạn trai của bị cáo Nguyễn Như N) xác định chỉ được bị cáo N nhờ trở 04 người khách đến Điện máy xanh huyện Đ vì họ không biết siêu thị Điện máy xanh ở đâu, sau này mới biết tên là Nguyễn Xuân Đ1, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn M và Nông Văn C2. Khi chở đến siêu thị Đ3 xanh họ tự vào, anh đứng ngoài chờ và sau khi họ làm việc xong thì trở về nhà trọ của N. Anh không biết và N và các bị cáo khác cũng không nói cho anh biết về hành vi, mục đích và việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên.

Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả là 422.473.000 đồng. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã trả cho ông Ngô Xuân C5 người đại diện theo uỷ quyền của bị hại Công ty T6.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 80/2024/HSST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Như N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Phạm Bá V1, Đỗ Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mạnh C 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị

cáo đi thi hành án. Được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/8/2023 đến ngày 11/9/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Như N 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.
- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+ Bị cáo Đỗ Văn T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thì hành án.

+ Bị cáo Nguyễn Văn V 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thì hành án.

+ Bị cáo Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thì hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Bá V1 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thì hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

~~Ngày 07/8/2024, ngày 08/8/2024 và ngày 13/8/2024 các bị cáo Nguyễn Mạnh C kháng cáo xin giảm hình phạt; bị cáo Nguyễn Như N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Đỗ Văn T, Phạm Bá V1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.~~

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Văn T rút toàn bộ kháng cáo. Các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Văn V giữ nguyên nội dung kháng cáo; Bị cáo Nguyễn Như N, Nguyễn Văn H, Phạm Bá V1 thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các nội dung liên quan đến kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342; Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đỗ Văn T. Căn cứ điểm a

khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Phạm Bá V1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như N, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo C: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, vợ bị cáo bệnh tật chi phí điều trị cao, tốn kém nên mới dẫn đến việc bị cáo phạm tội. Sau khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình bị cáo đã bồi thường số tiền vượt số tiền bị cáo được hưởng lợi. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự thì đề nghị HĐXX xem xét, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 BLHS phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình gây ra. Đề nghị HĐXX cho bị cáo C được hưởng mức hình phạt khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo C nhất trí với bào chữa của Luật sư và không có ý kiến bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm sau khi tranh luận với Luật sư bào chữa của bị cáo Nguyễn Mạnh C.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Như N, Nguyễn Văn H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Bị cáo Nguyễn Văn V, Phạm Bá V1 xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Như N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Đỗ Văn T, Phạm Bá V1 làm trong hạn luật định và đúng theo thủ tục quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Đỗ Văn T đã rút toàn bộ kháng cáo, căn cứ Điều 342; Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đỗ Văn T.

[2]. Căn cứ lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Từ khoảng cuối năm 2021, lợi dụng sơ hở trong việc tạo lập Hợp đồng tín dụng cho vay tiền trả góp để mua hàng tại hệ thống siêu thị Điện máy xanh kinh doanh trên địa bàn huyện Đ và một số huyện trong tỉnh Thái Nguyên của Công ty T6, Nguyễn Mạnh C cùng các bị cáo Nguyễn Như N, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn C4, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H7, Nguyễn Ngọc C3, Nguyễn Văn H, Trần Văn M1, Phạm Bá V1, Nguyễn Xuân Đ1, Nguyễn Văn M, Đỗ Văn T, Nông Văn C2, Trần Đức N2, Cao Xuân T4, Nguyễn Mạnh H6, Trần Ngọc T5 và đối tượng Nguyễn Thanh S2 đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách khai không đúng về nghề nghiệp, thu nhập của cá nhân người đứng tên trên hồ sơ vay và sử dụng sim số thuê bao rác, không chính tên chính chủ để điền lên các Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn, Hợp đồng tín dụng và giấy tờ hồ sơ vay khác của Công ty T6, mục đích tạo lập hợp đồng vay tiền trả góp mua sản phẩm tại Điện máy xanh của Công ty T6, sau khi Công ty T6 duyệt hồ sơ vay, giải ngân thì chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

- Ngày 25/11/2021, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Văn H7 đã chiếm đoạt số tiền 28.804.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 10/12/2021, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Như N, Nguyễn Mạnh H6 đã chiếm đoạt số tiền 26.530.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 10/12/2021, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Như N, Nguyễn Thị H5, Phạm Bá V1 đã chiếm đoạt số tiền 26.530.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 10/12/2021, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Như N, Nguyễn Thị H5, Trần Văn M1 đã chiếm đoạt số tiền 26.530.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 10/12/2021, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Văn H đã chiếm đoạt số tiền 28.693.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 10/12/2021, Nguyễn Mạnh C, Trần Đức N2, Nguyễn Thanh S2 đã chiếm đoạt số tiền 26.530.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 11/12/2021, Nguyễn Mạnh C, Cao Xuân T4 đã chiếm đoạt số tiền 30.790.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 12/12/2021, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Văn V đã chiếm đoạt số tiền 28.693.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 12/12/2021, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Văn C4 đã chiếm đoạt số tiền 33.530.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 12/12/2021, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Ngọc C3 đã chiếm đoạt số tiền 28.693.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 13/12/2021 Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Như N, Đỗ Văn T đã chiếm đoạt số tiền 33.600.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 13/12/2021, Nguyễn Mạnh C, Trần Ngọc T5 đã chiếm đoạt số tiền 33.600.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 14/12/2021 Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Như N, Nguyễn Xuân Đ1 đã chiếm đoạt số tiền 33.600.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 14/12/2021 Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Như N, Nguyễn Văn M đã chiếm đoạt số tiền 33.600.000 đồng của Công ty T6.

- Ngày 14/12/2021 Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Như N, Nông Văn C2 đã chiếm đoạt số tiền 33.600.000 đồng của Công ty T6.

Như vậy, tổng số tiền: Bị cáo Nguyễn Mạnh C chiếm đoạt là 453.323.000 đồng; Nguyễn Như N chiếm đoạt số tiền là 213.990.000 đồng; Nguyễn Thanh L chiếm đoạt số tiền là 127.330.000 đồng; Nguyễn Thanh P chiếm đoạt số tiền là 119.720.000 đồng; Nguyễn Thị H5 chiếm đoạt số tiền là là 81.753.000 đồng; Đỗ Văn T, Nguyễn Xuân Đ1, Nguyễn Văn M, Nông Văn C2, Trần Ngọc T5 mỗi người chiếm đoạt số tiền là 33.600.000 đồng; Nguyễn Văn C4 chiếm đoạt số tiền là 33.530.000 đồng; Nguyễn Ngọc C3, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H chiếm đoạt số tiền là 28.693.000 đồng; Cao Xuân T4 chiếm đoạt số tiền là 30.790.000 đồng; Nguyễn Văn H7 chiếm đoạt số tiền là 28.804.000 đồng; Nguyễn Mạnh H6, Phạm Bá V1, Trần Văn M1, Nguyễn Thanh S2 mỗi người chiếm đoạt số tiền là 26.530.000 đồng của Công ty T6.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Như N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Phạm Bá V1 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như vậy là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

+ Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Phạm Bá V1:

Các bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi với lỗi cố ý. bị cáo C, V, H, V1 đều là người có nhân thân xấu, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã cung cấp tại Toà án cấp sơ thẩm. Hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như N:

Bị cáo N là người chưa có tiền án, tiền sự, tại cấp phúc thẩm có cung cấp thêm tài liệu mới là đơn xin giảm hình phạt của đại diện công ty T6, là bị hại trong

vụ án. Ông bà ngoại của chồng bị cáo được tặng thưởng nhiều huân, huy chương kháng chiến, bác ruột của chồng bị cáo là Liệt sĩ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đây là tình tiết mới để xem xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự cần sửa bản án sơ thẩm và giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Như N.

[4]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Như N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Phạm Bá V1, Đỗ Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Phạm Bá V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như N được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đỗ Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về căn cứ, áp dụng pháp luật của cấp phúc thẩm:

- Điều 342; Điều 348 của Bộ luật tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đỗ Văn T.

- Điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như N; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 80/2024/HSST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo.

- Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Phạm Bá V1; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 80/2024/HSST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Như N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Phạm Bá V1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mạnh C 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/8/2023 đến ngày 11/9/2023.
- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Như N 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.
- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Văn V 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thì hành án.

+ Bị cáo Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thì hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Bá V1 8 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thì hành án.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Như N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Phạm Bá V1, Đỗ Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ nhà nước.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H, Phạm Bá V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Như N và Đỗ Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 80/2024/HSST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đại Từ;
- Công an huyện Đại Từ;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ích Yên